

Bản án số: 58/2023/DS-ST

Ngày: 28-9-2023

V/v “Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Hòa

2. Bà Trương Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lý Tường Vy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp về chia thừa kế quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 715/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 1005/TB-TA ngày 30/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 667/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 826/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 1013/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1097/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoa D - sinh năm 1953. (Có mặt)

Địa chỉ: **Tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

2/Bị đơn: Bà Lê Thị Q (Lê Thị Q1) - sinh năm 1928.

Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

Chỗ ở hiện nay: **Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

Người đại diện theo ủy quyền của bà **Lê Thị Q1** có ông Nguyễn Ý –sinh năm 1963

Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.** Theo văn bản ủy quyền ngày 19/11/2021 (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **Hồng Thị T**- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Anh **Đoàn Thanh L** – sinh năm 1977

Địa chỉ: **tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**

- Bà **Lê Thị V**, sinh năm: 1937.
Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.
Người đại diện theo ủy quyền có ông **Huỳnh Văn S** – sinh năm 1967
Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2021 (Có mặt)

- Bà **Lê Thị H** -sinh năm 1944.
Địa chỉ: **số A đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai** (Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 05/8/2022)

- Ông **Lê Văn L1** - sinh năm 1952.
Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. (Có mặt)

- Ông **Đào Văn Q2** - sinh năm 1942. (Chồng bà **Lê Thị T1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. (Có mặt)

- **A** - sinh năm 1973. (Con bà **Lê Thị T1**)
Địa chỉ: **5 đường E, khu phố F, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**.

- **Anh Đào Thanh T2** - sinh năm 1976. (Con bà **Lê Thị T1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.

- **Anh Đào Văn T3** - sinh năm 1978. (Con bà **Lê Thị T1**)
Địa chỉ: **Lô D, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**.

- **Chị Đào Thị Á** - sinh năm 1980. (Con bà **Lê Thị T1**)
Địa chỉ: **G đường A, khu phố A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh**.

- **Chị Đào Thị T4**- sinh năm 1982. (Con bà **Lê Thị T1**)
Địa chỉ: **A đường L, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh**.
Người đại diện theo ủy quyền của chị **T4**, chị **Á**, anh **T3**, anh **T2**, anh **B** có ông **Đào Văn Q2** - sinh năm 1942.
Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Theo văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021 và ngày 15/5/2021 (Có mặt)

- Bà **Nguyễn Thị T5**. (Vợ ông **Lê H1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.
Hiện đang sinh sống tại: **thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi** (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

- Bà **Lê Thị Thu S1** - sinh năm: 1965. (Con ông **Lê H1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

- **Anh Lê Việt C** - sinh năm 1978. (Con ông **Lê Văn B1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.
Người đại diện theo ủy quyền có bà **Trần Thị Hoa D** -sinh năm 1953
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.
Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021. (Bà **D**, anh **C** đều có mặt)

- **Anh Lê Hoàng L2** - sinh năm 1982. (Con ông **Lê Văn B1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.
Người đại diện theo ủy quyền có bà **Trần Thị Hoa D** -sinh năm 1953
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**.
Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021 (Có mặt)

- Chị **Lê Thị Mỹ N** -sinh năm 1990. (Con ông **Lê Văn B1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**
Người đại diện theo ủy quyền có bà **Trần Thị Hoa D** -sinh năm 1953
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**
Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021. (Có mặt)

- Chị **Lê Thị Mỹ N1** - sinh năm 1991. (Con đẻ ông **Lê Văn B1**)
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.**
Người đại diện theo ủy quyền có bà **Trần Thị Hoa D** -sinh năm 1953
Địa chỉ: **tổ dân phố B, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.** Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2021 (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2020 , đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 27/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà **Trần Thị Hoa D trình bày:** Cụ **Lê Đ** –sinh năm 1910 (chết năm 1995) và bà **Lương Thị B2** (Chết năm 1966). Cụ **Lê Đ** và cụ **Lương Thị B2** sinh được 07 người con gồm:

- **Lê Thị Q1** – sinh năm 1928
- **Lê Thị V** – sinh năm 1937
- **Lê Thị H** – Sinh năm 1944
- **Lê Văn L1** – sinh năm 1952
- **Lê H1** – sinh năm 1944 (Liệt sỹ hy sinh năm 1969) có vợ bà **Nguyễn Thị T5**, con **Lê Thị Thu S1**

- **Lê Thị T1** – sinh năm 1947 (chết năm 1985) có chồng là **Đào Văn Q2**, các con **Đào T**, **Đào Thanh T2**, **Đào Văn T3**, **Đào Thị Á**, **Đào Thị T4**, **Đào Thanh T6** (anh **Đào Thanh Thái** chết năm 1995, trước khi chết anh **T6** không có vợ, con)

- Lê Văn B1** – sinh năm 1950 (chết năm 2003). Ông **Lê Văn B1** có vợ là bà **Trần Thị Hoa D**, các con **Lê Việt C**, **Lê Hoàng L2**, **Lê Thị Mỹ N**, **Lê Thị Mỹ N1**.

Ngoài ra cụ **Lê Đ** và cụ **Lương Thị B2** không còn người con nào khác, kể cả con riêng, con nuôi.

Sinh thời cụ **Lê Đ** và cụ **Lương Thị B2** có tạo lập được 01 mảnh vườn diện tích khoảng hơn 1.000m² , nay là thửa 278 tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại **tổ dân phố T, Phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi**. Trên đất cụ **Đ**, cụ **B2** đã làm nhà ở từ những năm kháng chiến chống pháp và các con sinh ra và lớn lên trên mảnh vườn này. Năm 1996 cụ **Lương Thị B2** qua đời không để lại di chúc.

Ngày 04/4/1992 cụ **Đ** lập chứng thư (Di chúc) để lại mảnh vườn cho các con với nội dung:

- Cho con gái **Lê Thị Q1** và cháu ngoại là **Đoàn Thanh L** được ở nguyên tại ngôi nhà xây dựng và trọn quyền sử dụng khoảnh đất vườn ở quy Bắc có diện tích 350m², được hưởng các cây ăn quả, cây lâu năm trên diện tích này có giới.

- + Phía Đông giáp ruộng 5%

- + Phía Tây giáp vườn ở của ông **Nguyễn H2**

- + Phía Nam giáp nửa vườn còn lại (giao cho ông **Lê Văn B1**)

- + Phía Bắc giáp vườn của ông **Nguyễn C1**

- Nửa khoảng đất quy Nam khoảng 420m² giao cho con trai **Lê Văn B1** sử dụng kể cả cây ăn quả, cây lâu năm. Có giới cận

- + Phía Đông giáp ruộng 5%

+ Phía Nam giáp đường đi và vườn của ông Nguyễn Đức T7

+ Phía Bắc giáp phần vườn ở giao cho bà Lê Thị Q1

+ Phía Tây giáp ruộng 5% và vườn của ông Nguyễn Hòa

Chúng thư do cụ Đ lập ngày 04/4/1992 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực chữ ký vào ngày 26/4/1992. Năm 1995 cụ Đ qua đời

Sau khi cụ Đ qua đời bà Lê Thị Q1 và vợ chồng bà ông Lê Văn B1, bà Trần Thị Hoa D cùng quản lý, sử dụng ổn định, không ai tranh chấp, cùng chăm nom nhà cửa, đất và cây ăn quả, cây lâu năm. Năm 2003 chồng bà qua đời.

Mặc dù mảnh vườn này do gia đình bà và bà Q1 cùng sử dụng nhưng không biết vì lý do gì đến năm 1998 Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là thị xã Đ) lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Lê Thị Q1 toàn bộ thửa đất nói trên (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ 00530 QSDĐ/152/QĐ-UBH cấp ngày 19/5/1998. Việc Ủy ban nhân dân huyện Đ (Nay là thị xã Đ) cấp cho hộ bà Lê Thị Q1 thì gia đình bà hoàn toàn không biết mãi đến năm 2018 bà Lê Thị Q1 làm thủ tục gia hạn đất thì mới biết. Khi biết được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận cho hộ bà Lê Thị Q1 tại thửa 278 tờ bản đồ số 13 diện tích 1072m² thì bà nhiều lần đề nghị bà Lê Thị Q1 điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng di chúc của cụ đoàn lập nhưng bà Lê Thị Q1 dấy dưng, kéo dài và đến tháng 6/2019, bà Lê Thị Q1 cùng con trai là ông Đoàn Thanh L tự ý xây hàng rào móng đá, trụ bê tông, rào lưới B40. Ngày 30/8/2019 bà S1 nhà bà Q1 đề nghị bà Q1 thực hiện di chúc của cụ đoàn nhưng bà Lê Thị Q1 cho rằng bà được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không thực hiện di chúc của cụ đoàn đã lập nên tranh chấp xảy ra.

Bà Trần Thị Hoa D cho rằng thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 phường P diện tích qua đo đạc thực tế 994,9m² (Trong đó 200m² đất ở và 794,9 m² đất trồng cây hàng năm) là di sản của cha mẹ chồng bà (cụ Lê Đ và Lương Thị B2) lưu hạ.

Năm 1992 cụ Đ lập di chúc thửa đất này cho chồng bà Lê văn B3 và bà Lê Thị Q1. Nhưng thửa đất trên là tài sản chung của cụ Đ, cụ B2 nên di chúc của cụ Đ chỉ có hiệu lực một phần ; ½ diện tích còn lại là di sản của cụ B2.

Do diện tích của cụ Đ lập di chúc đo bằng thước dây nên không chính xác so với diện tích khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đo đạc thực tế 994,9m²

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ giải quyết:

+ Chia thừa kế theo di chúc do cụ Lê Đoàn lập ngày 04/4/1992 được Ủy ban nhân dân xã P chứng thực chữ ký vào ngày 26/4/1992 đối với ½ thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 phường P cho bà Lê Thị Q1 và đồng thừa kế của ông Lê Văn B1 gồm Trần Thị Hoa D, Lê Việt C, Lê Hoàng L2, Lê Thị Mỹ N, Lê Thị Mỹ N1. Mỗi phần tương ứng với diện tích 248,7m² (Trong đó có 50m² đất ở và 198,7m² đất trồng cây hàng năm khác)

+ Chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 phường P là di sản của cụ Lương Thị B2 cho các đồng thừa kế gồm bà bà Lê Thị Q1; bà Lê Thị V; ông Lê H1 (Liệt sỹ) (có vợ bà Nguyễn Thị T5, bà Lê Thị Thu S1 là vợ con của ông H1); chồng và con của bà Lê Thị T1, V1 và con của ông Lê Văn B1; ông Lê Văn L1. Mỗi kỹ phần được nhận tương ứng với diện tích

497,45m²:7=71,06m² (Trong đó có 14,28m² đất ở và 56,78m² đất trồng cây hàng năm khác.

Tổng diện tích bà yêu cầu được nhận theo di chúc và theo pháp luật là 319,76m² (Trong đó có 64,28m² đất ở và 204,48m² đất trồng cây hàng năm khác. Bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

2/ Trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2021 và tại phiên tòa trình bày: Về quan hệ huyết thống như lời trình bày của nguyên đơn là đúng

Hai cụ Đ, cụ B2 không có con nuôi, con riêng nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Nguồn gốc thửa đất số 278, tờ bản đồ số 13 phường P là được ông bà của cụ Đ và cụ B2 lưu hạ lại có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Q là 1.072m² tọa lạc tại tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ.

Năm 1954 cụ Đ tập kết ra miền bắc, bà Q ở với cụ B2 đến năm 1966 cụ B2 chết, bà Q đi tản cư ở vùng khác; từ năm 1966 đến 1975 thì đất này là đồn giặc chiếm đóng. Sau năm 1975 bà Q cùng với cháu là Lê Thị Thu S1 (con Lê H1) về lại mảnh vườn này sinh sống, làm nhà ở; khoảng năm 1976-1977 cụ Đ về sinh sống cùng bà Q, bà S1 tại ngôi nhà này đến khi cụ Đ chết năm 1995.

Về quá trình đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất:

Năm 1994 thực hiện chia ruộng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất bà Q ở như trên được cân đối chia cho hộ bà Q lúc bấy giờ có 4 khẩu, nhưng nhận được 3 định suất gồm: bà Lê Thị Q 01 suất; ông Đoàn Thanh L 01 suất; cụ Lê Đ ½ định suất và ông Lê H1 là liệt sỹ được ½ định suất. Như vậy thửa đất số 278, tờ bản đồ số 13 phường P được Nhà nước cân đối chia theo Nghị định 64/CP cho hộ bà Q là đúng quy định của pháp luật. Đối với ½ định suất của ông Lê Đ là của bà Lê Thị Q1 được hưởng vì đã được cấp giấy đứng tên hộ bà Lê Thị Q1. Thửa đất bà D kiện chia thừa kế nay xác định theo bản đồ địa chính là thửa 278, tờ bản đồ số 13 phường P đã được chia theo nghị định 64/CP cho hộ bà Q, nên không phải là di sản của cụ Đ, cụ B2 để lại. Do đó, ông không đồng ý phân chia thừa kế.

Đối với di chúc do cụ Đ lập ngày 04/4/1992 thì không có giá trị pháp lý vì lúc ông Lê Văn B1 còn sống là người giữ di chúc trong suốt thời gian rất dài từ năm 1992 đến khi ông B1 chết năm 2003 nhưng ông không có ý kiến gì, không tranh chấp di sản với bà Q, hơn nữa bà Q1 được biết ông B1 đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất tại phường P. Mặt khác, bà D không có tên trong di chúc nên bà D không có quyền khởi kiện.

Bà Q từ trước đến nay không lưu giữ, không biết gì về nội dung di chúc do cụ Đ lập ngày 04/4/1992; trong suốt thời gian từ lúc cụ Đ còn sống đến khi cụ chết và trong thời gian ông B1 còn sống thì chưa bao giờ ông B1 cũng như bà Q đề cập đến việc phân chia đất đai theo di chúc mà cụ Đ để lại.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Ý cho rằng nguồn gốc thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 là của bà Lê Thị Q1 và đã được cấp theo Nghị định 64/CP. Vì vậy việc bà Trần Thị Hoa D khởi kiện là không có căn cứ. Nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà D và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Thanh L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 278 là của bà **Lê Thị Q1**. Đến năm 1994- 1995 được Nhà nước cấp đất theo Nghị định 64/CP theo Điều 26 của Luật đất đai 1993. Tại thời điểm cấp đất thì ông được một suất. Đến năm 1998 thì mẹ ông đã đi đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất 278 từ bản đồ số 13 từ trước đến nay mẹ ông quản lý và sử dụng thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

Qua đơn khởi kiện của bà **Trần Thị Hoa D**, ông thấy rằng: Lâu nay mẹ ông bà **Lê Thị Q1** và cậu ông là **Lê Văn B1** từ năm 1992 đến năm 2003 không thực hiện theo di chúc vì lý do mẹ ông và cậu **Lê Văn B1** là hai đối tượng thương binh (mẹ ông thương binh loại 2, cậu ông thương binh loại 3) là 2 đối tượng được Nhà nước cấp đất theo Nghị định 64/CP. Cụ thể: Mẹ ông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản photo đã nộp cho Tòa). Cậu ông là ông **Lê Văn B1** được địa phương Phổ Minh cấp đất, đã được cấp sổ đỏ. Như vậy, việc khởi kiện này của bà **Trần Thị Hoa D** là không đúng thực tế và trái với đạo lý.

Đối với di chúc của ngoại (**Lê Đ**) viết thì không còn giá trị vì từ năm 1977 trở về trước đất đai là của tư hữu quản lý, từ năm 1978 đến năm 1992 là HTX quản lý trong đó có khoán 10, khoán 100. Đến năm 1993, khi Nghị định 64CP ra đời ngày 28/3/1993 tất cả đất đai Nhà nước quản lý và được chia bình quân trong nhân dân. Như vậy, việc cấp đất của Nhà nước cho mẹ ông và cậu **Lê Văn B1** là hoàn toàn đúng vì trong quá trình sử dụng từ năm 1992 đến 2003, ông ngoại, mẹ ông và cậu **Lê Văn B1** đều còn sống và không có ý kiến tranh chấp gì.

Vì vậy đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập

4/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà **Lê Thị V và người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất: Bà **Lê Thị V** thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn.

Đề nghị 1/2 thửa đất 278 từ bản đồ số 13 của cụ **Lê Doan c** thừa kế theo di chúc cho vợ, các con của ông **Lê Văn B1** và mẹ con bà **Lê Thị Q1**. Đối với 1/2 diện tích đất 278 còn lại của cụ **Lương Thị B2** đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Bà **Lê Thị V** yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo quyền của bà **V** đồng ý giao phần của bà **V** được nhận cho bà **Trần Thị Hoa D**.

5/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị H:** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/8/2022 (BL 132), bà **Lê Thị H** trình bày:

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất: Bà **H** thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn.

Bà **H** không có ý kiến gì về việc khởi kiện của bà **Trần Thị Hoa D** đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản theo di chúc để lại. Bà không yêu cầu gì về việc phân chia di sản của cụ **Lê Đ**, **Lương Thị B2**. Đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản theo di chúc đúng như phần diện tích mà bản di chúc để lại.

6/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông **Lê Văn L1 trình bày:** Tại Đơn khởi kiện yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BL 126,127), Văn bản ý kiến ngày 15/02/2022 (BL 122), Đơn xin bổ sung ngày

20/5/2021 (BL 121) và Biên bản làm việc ngày 28/12/2021, ông **Lê Văn L1** trình bày:

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất: Ông **Lê Văn L1** thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn.

Đề nghị 1/2 thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 của cụ **Lê Doan c** thừa kế theo di chúc cho vợ, các con của ông **Lê Văn B1** và mẹ con bà **Lê Thị Q1**. Đối với 1/2 diện tích đất 278 còn lại của cụ **Lương Thị B2** đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Ông **Lê Văn L1** yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên tại phiên tòa ông **Lê Văn L1** đồng ý giao phần của ông được nhận cho bà **Trần Thị Hoa D**.

7/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Q2, Đào Thanh B4, Đào Thanh T2, Đào Văn T3, Đào Thị Á, Đào Thị T4 trình bày:

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc thửa đất: Ông **Đào Văn Q2** thống nhất với nội dung trình bày của nguyên đơn.

Đề nghị 1/2 thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 của cụ **Lê Doan c** thừa kế theo di chúc cho vợ, các con của ông **Lê Văn B1** và mẹ con bà **Lê Thị Q1**. Đối với 1/2 diện tích đất 278 còn lại của cụ **Lương Thị B5** đề nghị chia thừa kế theo pháp luật. Ông **Đào Văn Q2** cùng các con yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Tuy nhiên tại phiên tòa ông **Đào Văn Q2** cùng các con đồng ý giao phần của mình được nhận cho bà **Trần Thị Hoa D**.

8 /Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C2, Lê Hoàng L2, Lê Thị Mỹ N, Lê Thị Mỹ N1 trình bày: Thống nhất toàn bộ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phần của anh **Lê Văn C2, Lê Hoàng L2, Lê Thị Mỹ N, Lê Thị Mỹ N1** được nhận của cha **Lê Văn B1** thì đều giao lại cho mẹ **Trần Thị H3** Dự nhận

9/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T5, bà Lê Thị Thu S1 trình bày: Bà **Nguyễn Thị T5, bà Lê Thị Thu S1** đã nhận được đầy đủ thông báo của Tòa án nhưng không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh **Đoàn Thanh L, bà Lê Thị V, bà Lê Thị H, ông Lê Văn L1, ông Đào Văn Q2, anh Đào T, anh Đào Thanh Ty, anh Đào Văn T3, chị Đào Thị Á, chị Đào Thị T4, anh Lê Việt C, anh Lê Hoàng L2, chị Lê Thị Mỹ N, chị Lê Thị Mỹ N1** thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng năm 2015. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị Thu S1, bà Nguyễn Thị T5** chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ **Lương Thị B2** và chia thừa kế theo di chúc của cụ **Lê Đ**; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà **Lê Thị V, Ông Đào Văn Q2, Ông Lê Văn L1** về yêu cầu chia

thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ **Lương Thị B2** và chia thừa kế theo di chúc của cụ **Lê Đoan**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà **Trần Thị Hoa D** khởi kiện tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất với bị đơn bà **Lê Thị Q1** tại thửa đất ở **tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi** nên căn cứ vào khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Tuy cụ **Lương Thị B2** (chết năm 1966) nhưng căn cứ vào Điều 36 Pháp lệnh thừa kế 1990, Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế bất động sản của cụ **B2** tính từ ngày 10/9/1990. Tính đến ngày có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế (ngày 28/8/2020) vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế: Các bên đương sự đều thừa nhận ông **Lê Đ** (chết năm 1995) và bà **Lương Thị B2** (chết 1966) có 7 người con gồm: **Lê Thị Q1**; **Lê Thị V**; **Lê Thị H**; **Lê Văn L1**; **Lê H1** –sinh năm 1944 (Liệt sỹ hy sinh năm 1969) có vợ bà **Nguyễn Thị T5**, con **Lê Thị Thu S1**; **Lê Thị T1** –sinh năm 1947 (chết năm 1985) có chồng là **Đào Văn Q2**, các con **Đào T**, **Đào Thanh T2**, **Đào Văn T3**, **Đào Thị Á**, **Đào Thị T4**, **Đào Thanh T6** (anh Đào Thanh Thái chết năm 1995, trước khi chết anh **T6** không có vợ, con); **Lê Văn B1** –sinh năm 1950 (chết năm 2003), ông **Lê Văn B1** có vợ là bà **Trần Thị Hoa D**, các con **Lê Việt C**, **Lê Hoàng L2**, **Lê Thị Mỹ N**, **Lê Thị Mỹ N1**.

Ngoài ra cụ **Lê Đ** và cụ **Lương Thị B2** không còn người con nào khác, kể cả con riêng, con nuôi.

[2.2] Về nguồn gốc: Xét nguồn gốc thửa đất 278, tờ bản đồ số 13, diện tích 1072m² (theo đo đạc thực tế 994,9m²) tại **phường P, thị xã Đ**

Tại Biên bản làm việc ngày 24/3/2023 và Biên bản làm việc ngày 02/8/2023, người có thẩm quyền của **UBND phường P** và **UBND thị xã Đ** đều xác nhận nguồn gốc thửa đất 278, bản đồ 13 **phường P** là của cụ **Lê Đ** và **Lương Thị B2**.

Tại phiên tòa bị đơn cho rằng thửa đất 278, tờ bản đồ số 13, **phường P** là do bà **Q1** khai hoang nên đây là tài sản riêng của bà **Q** nhưng bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này. Mặt khác, tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, phía bị đơn thừa nhận Đơn này do bị đơn tự tay viết và ký thể hiện thửa đất số 278, tờ bản đồ số 13 là “đất ông bà lưu hạ lại”. Đồng thời tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/12/2021 (BL 106), Văn bản các ngày 23/02/2023 (BL 109) và 10/5/2023 (BL 112), người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng trình bày nội dung như sau: “Năm 1954, cụ **Đ** tập kết ra **B**, bà **Q1** ở với cụ **B2** đến năm 1966 cụ **B2** chết, bà **Q1** đi tản cư ở vùng khác; từ năm 1966 đến năm 1973 thì đất này là đồn giặc chiếm

đóng. Sau năm 1975, bà Q1 cùng với cháu Lê Thị Thu S1 (con ông Lê H1) về lại mảnh vườn này sinh sống, làm nhà ở; khoảng năm 1976-1977 cụ Đ về sinh sống cùng bà Q1, bà S1 tại ngôi nhà này đến khi cụ Đ qua đời năm 1995“.

Do đó, có cơ sở xác định rằng thửa đất 278 không phải do bà Lê Thị Q khai hoang mà là đất của cụ B2 và cụ Đ để lại.

[2.3] Qua làm việc Ủy ban nhân dân phường P và Ủy ban nhân dân thị xã Đ cùng các ý kiến của những người tham gia Hội đồng cân đối đất đai tại xã P (nay là phường P) đều xác nhận “Năm 1994-1995, Nhà nước tiến hành cân đối đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính Phủ tại thửa 278 cho hộ bà Lê Thị Q gồm có 04 nhân khẩu với 03 định suất với diện tích đất là 580m², cụ thể như sau: Bà Lê Thị Q 1 suất, ông Đoàn Thanh L (con bà Q) 1 suất, ông Lê Doan ½ suất, ½ suất Liệt sĩ. Diện tích đất còn lại (Trong đó 200m² đất ở) của thửa đất 278 không được cân đối theo Nghị định 64/Cp

Như vậy đất số 278, tờ bản đồ số 13, phường P là của cụ Đ và cụ B2. Năm 1994-1995, Nhà nước tiến hành cân đối đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP tại thửa 278 cho hộ bà Lê Thị Q gồm có 04 nhân khẩu với 03 định suất với diện tích đất là 580m² (không cân đối 200m² đất ở), cụ thể như sau: Bà Lê Thị Q 1 suất, ông Đoàn Thanh L (con bà Q) 1 suất, ông Lê Doan ½ suất, ½ suất Liệt sĩ. Đây là quá trình thực hiện chính sách đất đai của chính quyền lúc bấy giờ và thực tế việc cân đối đã diễn ra nên cần được công nhận với diện tích cân đối 580m² đất trồng cây hàng năm.

Qua đo đạc thực tế thì diện tích thửa đất 278, tờ bản đồ số 13 giảm xuống còn 994,9m². Theo như trả lời của cơ quan chức năng và các đương sự đều thừa nhận thì hình thể thửa đất không thay đổi; thửa đất được sử dụng ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Việc người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý diện tích thửa đất giảm xuống còn 994,9m² và đề nghị xác định diện tích thửa đất là 1.072m² (theo diện tích thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho bà hộ bà Lê Thị Q1) là không phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Do đó, xác định thửa đất 278 có diện tích là 994,9m².

Như vậy phần đất trồng cây hàng năm khác bà Lê Thị Q1, anh Đoàn Thanh L, cụ Lê Đ1, ông Lê H1 được chia theo nghị định 64/CP là : 580m²: 3= 193,3m². Nên bà Lê Thị Q1 được 193,3m², anh Đoàn Thanh L được 193,3m², Cụ Lê Doan ½ suất được 96,6m², ½ suất của ông Lê H1 được 96,6m²

[2.3] Về di sản thừa kế và chia di sản của cụ Lương Thị B2: Thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 phường P được cân đối theo Nghị định 64/CP với diện tích 580m². Nên diện tích đất còn lại 414,9m² (200m² đất ở và 214,9 m² đất trồng cây hàng năm) không được cân đối theo Nghị định 64/CP nên đây là tài sản chung của cụ Đ và cụ B2. Mỗi người được 414,9m² :2= 207,45m². (Trong đó có 100m² đất ở và 107,45m² đất trồng cây hàng năm khác)

Như vậy di sản của Lương Thị B2 chết để lại là 207,45m² (Trong đó có 100m² đất ở và 107,45m² đất trồng cây hàng năm khác)

Về công sức đóng góp, giữ gìn thửa đất của các bên: Khi cụ Đ tập kết ra B, bà Q1 là người ở lại cùng với cụ B2 bám trụ tại địa phương, sau này trở về thửa đất này sinh sống. Vì vậy, xét thấy cần xem xét công sức đóng góp của bà Lê Thị

Q1 đối với thửa đất 278, tờ bản đồ số 13 là phù hợp với quy định của pháp luật trong trường hợp di sản được chia theo pháp luật.

Về chia di sản của cụ **Lương Thị B2**: cụ **Lương Thị B2** chết năm 1966, cụ **Lương Thị B2** qua đời không để lại di chúc. Giữa cụ **B2** và cụ **Đ** có 07 người con chung: bà **Lê Thị Q1**; bà **Lê Thị V**; ông **Lê H1** (hy sinh năm 1969 có con là **Lê Thị Thu S1**, vợ **Nguyễn Thị T5**); bà **Lê Thị H**, bà **Lê Thị T1** (chết năm 1985); ông **Lê Văn B1** (chết năm 2003) và **Lê Văn L1**. Tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận cha mẹ cụ **B2** đều chết trước cụ **B2**; ngoài những người con trên thì cụ **B2** không còn người con riêng, con nuôi nào khác. Căn cứ Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ **B2** gồm có: cụ **Đ**, bà **Q**, bà **V**, ông **H1**, bà **H**, bà **T1**, ông **B1** và ông **L1**. Đối với những người thừa kế của cụ **B2** đã chết: cụ **Đ**, ông **H1**, bà **T1**, ông **B1** (chết sau cụ **B2**) thì phần di sản của những người này (Trừ phần di sản của cụ **Đ**) được hưởng từ cụ **B2** sẽ chia và giao lại cho hàng thừa kế thứ nhất của những người này theo đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu độc lập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc chia di sản thừa kế của cụ **B2** là có cơ sở chấp nhận một phần.

Như đã phân tích, cần xem xét công sức đóng góp của bà **Q** đối với phần di sản được chia theo pháp luật, xét thấy công sức đóng góp này tương ứng với 1 kỷ phần đối với phần di sản được chia theo pháp luật. Do đó, di sản của cụ **B2** sẽ được chia thừa kế thành 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần ($207,45\text{m}^2 : 9$) = $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác).

Trong đó bà **Lê Thị Q1** được nhận 02 kỷ phần là : $46,1\text{m}^2$ (Trong đó có $22,2\text{m}^2$ đất ở và $23,9\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm).

Bà **Lê Thị Thu S1** và bà **Nguyễn Thị T5** (Con, vợ của ông **Lê H1**) nhận $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác).

Bà **Trần Thị Hoa D** cùng các con **Lê Việt C**, **Lê Hoàng L2**, **Lê Thị Mỹ N**, **Lê Thị Mỹ N1** (vợ, con của ông **Lê Văn B1**) nhận: $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác). Các con của bà **Trần Thị Hoa D** đồng ý giao cho bà **D** nhận. Vì vậy ghi nhận sự tự nguyện của anh **Lê Việt C**, **Lê Hoàng L2**, **Lê Thị Mỹ N**, **Lê Thị Mỹ Ngọc**

Bà **Lê Thị V** nhận $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác). Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lê Thị V** giao phần đất của mình được nhận cho bà **Trần Thị H3** Dụ

Bà **Lê Thị H** nhận $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác).

Ông **Lê Văn L1** nhận $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác). Ghi nhận sự tự nguyện của bà **Lê Văn L1** giao phần đất của mình được nhận cho bà **Trần Thị Hoa D**.

Ông **Đào Văn Q2**, các con **Đào T**, **Đào Thanh T2**, **Đào Văn T3**, **Đào Thị Á**, **Đào Thị T4**, **Đào Thanh T6** (anh **Đào Thanh Thái** chết năm 1995, trước khi chết anh **T6** không có vợ, con) (Chồng và con của bà **Lê Thị T1** chết) nhận $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác). Ghi nhận sự tự nguyện giao phần đất của mình được nhận cho bà **Trần Thị Hoa D**.

Cụ **Lê Đ** được nhận: $23,05\text{m}^2$ (trong đó: $11,1\text{m}^2$ đất ở và $11,95\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác). Đây là di sản của cụ **Lê Đ**

[2.4] Về di sản của cụ Đ để lại và cách chia di sản của cụ Đ: Lúc này tài sản là quyền sử dụng đất riêng của cụ Đ sẽ là: 207,45m² đất (tài sản chung sau khi chia, trong đó: 100m² đất ở và 107,45m² đất trồng cây hàng năm khác) + 23,05m² (di sản được nhận thừa kế, trong đó: 11,1m² đất ở và 11,95 m² đất trồng cây hàng năm khác) + 96,6m² đất nông nghiệp được cân đối theo Nghị định 64/CP. Như vậy tổng diện tích đất của cụ Đ là: 327,1m² đất (trong đó: 111,1m² đất ở và 216m² đất trồng cây hàng năm khác). Sau khi cụ Đ mất thì quyền sử dụng đất 327,1m² trở thành di sản thừa kế của cụ Đ

Ngày 04/04/1992, cụ Đ lập chúc thư để lại khoảng 350m² đất và nhà trên đất cho bà Lê Thị Q và anh Đoàn Thanh L; để lại cho ông Lê Văn B1 420m² đất tại thửa đất 278. Năm 1995, cụ Đ qua đời. Do đó, căn cứ Điều 11 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì bà Q, anh L và ông B1 sẽ là người thừa kế theo Di chúc của ông Lê Doan .

Xét về hình thức và nội dung di chúc nhận thấy:

-Về hình thức Chúc thư (Chúc thư của cụ Đ là một hình thức di chúc): Qua xem xét nhận thấy đây là di chúc được viết bằng tay có sự xác nhận chữ ký của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh thừa kế năm 1990. Mặc dù, Di chúc được viết vào ngày 04/04/1992 và đến ngày 26/4/1992 mới được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác thực chữ ký nhưng theo quy định của pháp luật thì không quy định bắt buộc di chúc được viết tại thời điểm ký mà chỉ quy định người lập di chúc ký trước mặt người có thẩm quyền công chứng chứng thực là di chúc đã đảm bảo. Hiện tại, không có chứng cứ chứng minh cụ Đ không ký trước mặt người có thẩm quyền. Đồng thời, các đương sự (trừ người đại diện theo ủy quyền của bị đơn) đều thừa nhận có biết nội dung di chúc và không có ý kiến gì. Di chúc của cụ Đ thể hiện ý chí của cụ Đ, cụ Đ khi lập còn minh mẫn, không ai ép buộc. Từ đó, hình thức của Di chúc là đảm bảo.

Về nội dung Di chúc: Việc cụ Đ lập Di chúc để lại ngôi nhà và khoảng 770m² đất cho bà Q, anh L và ông B1 là không đúng với quy định của pháp luật. Vì tại thời điểm lập di chúc, cụ Đ chỉ có quyền định đoạt phần quyền sử dụng đất tương ứng 327,1m² đất (trong đó: 111,1m² đất ở và 216m² đất trồng cây hàng năm khác) của cụ Đ. Như vậy, di chúc của cụ Đ chỉ có hiệu lực 1 phần quy định Khoản 4 Điều 23 Pháp lệnh thừa kế năm 1990.

Do đó, việc nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Lê Đ là có cơ sở chấp nhận một phần.

Trên tinh thần Chúc thư (Di chúc) của cụ Đ thì cụ Đ để lại phần diện tích đất của mình cho ông Lê Văn B1 nhiều hơn bà Q1 70m² .Xét thấy ngôi nhà mà trước kia cụ Đ ở cùng bà Lê Thị Q có diện tích 57,6m² và trong Chúc thư có thể hiện ý chí của cụ Đ là ngôi nhà gắn liền với đất cho bà Lê Thị Q và anh Đoàn Thanh L. Vì vậy, chia và giao cho bà Q 57,6m² đất ở gắn với ngôi nhà trên đất . Tại thời điểm làm di chúc thì thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 chưa được cân đối theo Nghị định 64/CP. Để thực hiện theo tinh thần của di chúc cũng như để vợ và những người con của ông Lê Văn B1 có diện tích đất làm nơi thờ cúng ông, bà. Vì vậy cần giao, chia cho ông Lê Văn B1 diện tích nhiều hơn bà Lê Thị Q1. Hiện di sản của cụ Đ là 327,1m² đất (trong đó: 111,1m² đất ở và 216m² đất trồng cây hàng năm khác).

Cụ thể giao cho vợ và các con của ông **Lê Văn B1** được nhận là 200m² (Trong đó có 53,5 m² đất ở và 146,5 m² đất trồng cây hàng năm khác). Các con của bà **Trần Thị Hoa D** đồng ý giao diện tích này cho bà **Trần Thị Hoa D**. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Giao cho bà **Lê Thị Q1** 127,1m² (Trong đó có 57,6 m² đất ở và 69,5 m² đất trồng cây hàng năm khác). Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền với 57,6m² đất ở

[3] Đối với các tài sản khác trên đất thì các bên không yêu giải quyết. Nếu phần đất giao cho người nào có tài sản gì thì người đó nhận. Đối với khối lượng đất mà mẹ con ông **Đoàn Thanh L** đổ mà các hai bên thống nhất 35.000.000 đồng, đối với trụ cổng ngõ, cửa ngõ, trụ bên tông, lưới B40 của ông **Đoàn Thanh L3**, bà **Lê Thị Q3** cũng không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với phần đất của bà **Lê Thị Thu S1** và bà **Nguyễn Thị T5** nhận của thừa kế của ông **Lê H1** là : 23,05m² + 96,6m² =119,65m² (Trong đó có 11,1 m² đất ở và 108,55 m² đất trồng cây hàng năm khác). Trong quá trình giải quyết vụ án bà **Lê Thị Thu S1** và bà **Nguyễn Thị T5** không có ý kiến liên quan đến vụ án về chia và nhận thừa kế của ông **Lê Hiền .1** Vì vậy tạm giao phần của ông **Lê H1** cho bà **Lê Thị Q1** quản lý. Sau này các bên tranh chấp gì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Đối với phần của ông **Đoàn Thanh L** nhận theo Nghị định 64/Cp là 193,3m² . Hiện anh **Đoàn Thanh L** cũng đồng ý giao cho bà **Lê Thị Q1**.

[5] **Chia phần đất của bà Lê Thị Q1 được nhận:** Như vậy tổng hiện tích đất của bà **Lê Thị Q1** được nhận tại thửa đất 278 tờ bản đồ số 13 **phường P** theo Nghị định 64/CP của bà và ông **L**, thừa kế của cụ **Lương Thị B2**, cụ **Lê Đ** là: 560m² (Trong đó có 79,8m² đất ở và 480,3m² đất trồng cây hàng năm khác)

Cụ thể giao và chia cho bà **Lê Thị Q1** diện tích 560 m² (ký hiệu F1) có giới cận phía Nam giáp đường bê tông; phía Tây giáp thửa 277; phía Bắc giáp đường đất; phía Đông giáp phần đất giao cho bà **Trần Thị Hoa D** và phần đất của ông **Lê H1** được hưởng tạm giao cho bà **Q1** quản lý

Tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 57,6m²(ký hiệu g); phần nền nhà cũ không còn giá trị sử dụng (ký hiệu t); nền chương heo không còn giá trị sử dụng (ký hiệu t1); khu vực trồng chuối (ký hiệu c); 01 cây mít. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án)

Về giá trị bà **Lê Thị Q1** được nhận: Theo kết quả định giá: giá đất ở là 600.000 đồng/m², giá đất trồng cây hàng năm khác là 42.000 đồng/m². Nên giá trị đất bà **Q1** nhận: 68.052.600 đồng.

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký lại quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Tạm giao cho bà **Lê Thị Q1** quản lý phần đất của ông **Lê H1** có diện tích 119,65m² ký hiệu là F3, có giới cận phía Tây giáp phần đất của bà **Lê Thị Q1**, phía Nam giáp phần đất giao cho bà **Trần Thị Hoa D**, phía Bắc giáp đường đất, phía Đông giáp thửa 279. Trên đất có 01 cây mai, 01 cây vú sữa, 04 bụi tre

[6] **Chia phần đất bà Trần Thị Hoa D được nhận:** Tại phiên tòa ông **Lê Văn L1**, bà **Lê Thị V**, chồng và các con của bà **Lê Thị T1** đều thống nhất phần được hưởng đều giao cho bà **Trần Thị Hoa D** để làm nơi thờ cúng ông bà. Vì vậy

ghi nhận tự nguyện này. Đối với phần của bà **Lê Thị H** thì thấy rằng hiện nay bà **H** đã có chỗ ở ổn định, hơn nữa phần bà **H** được nhận thừa kế của bà **Lương Thị B2** 23,05m² nên không đủ điều kiện được cấp giấy. Vì vậy cần giao cho bà **Trần Thị H3** Dự nhận và bà **D** thối lại giá trị cho bà **Lê Thị H** với số tiền [(11,1m² đất ở x 600.000 đồng) +(11,93m² đất trồng cây hàng năm x 42.000 đồng)] = 7.161.060 đồng. Nên tổng diện tích bà **Trần Thị Hoa D** được nhận phần đất của bà **Lương Thị B2** 23,05m² x 5= 115,25m² (Trong đó có 55,6m² và 59,65m² đất trồng cây hàng năm).

Phần của bà **Trần Thị Hoa D** được nhận di sản của ông **Lê Văn B1** (chết): 200m² (Trong đó có 53,5 m² đất ở và 146,5 m² đất trồng cây hàng năm khác).

Như vậy tổng diện tích đất bà **Trần Thị Hoa D** được nhận là: 315,25m² (Trong đó có 109,1m² đất ở và 206,15m² đất trồng cây hàng năm.

Giao và chia cho bà **Trần Thị Hoa D** diện tích 315,25 m² (ký hiệu F2) có giới cận phía Nam giáp đường bê tông; phía Tây giáp phần đất giao cho bà **Lê Thị Q1**; phía Bắc giáp phần đất giao cho bà **Lê Thị Q1** quản lý của phần ông **Lê H1**; phần giáp với thửa đất 279 tờ bản đồ số 13.

Tài sản trên đất gồm có 01 nền xi măng(ký hiệu B); một phần nền nhà cũ không còn giá trị sử dụng (ký hiệu t); 03 cây mai, 01 cây vú sữa, 02 cây hoa trang. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án).

Về giá trị bà **Trần Thị Hoa D** được nhận: Theo kết quả định giá: giá đất ở là 600.000 đồng/m², giá đất trồng cây hàng năm khác là 42.000 đồng/m². Nên giá trị đất bà **D** nhận: 74.118.300 đồng

Các đương sự có nghĩa vụ thực hiện việc đăng ký lại quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

[7]Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc 6.000.000 đồng, chi phí định giá 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc bị đơn bà **Lê Thị Q1** phải thối lại cho bà **Trần Thị Hoa D** 5.500.000 đồng.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà **Trần Thị Hoa D**, bà **Lê Thị Q1**, ông **Lê Văn L1**, Ông **Đào Văn Q2**, bà **Lê Thị V**, bà **Lê Thị H** là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 201 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 219, 234, 457, 611, 612, 613, 623, 624, 625, 627, 628, 630, 631, 635, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 25 Pháp lệnh thừa kế năm 1990;

Căn cứ Điều 98, 99, 100, 167, 188 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ **Lương Thị B2** và chia thừa kế theo di chúc của cụ **Lê Đ**; Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà **Lê Thị V**, Ông **Đào Văn Q2**, Ông **Lê Văn L1** về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của cụ **Lương Thị B2** và chia thừa kế theo di chúc của cụ **Lê Doan**.

Giao và chia cho bà **Lê Thị Q1** diện tích 560 m² (Trong đó có 79,8m² đất ở và 480,2m² đất trồng cây hàng năm khác) (ký hiệu F1). Phần đất của bà **Lê Thị Q1** có giới cận phía Nam giáp đường bê tông; phía Tây giáp thửa 277; phía Bắc giáp đường đất; phía Đông một giáp phần đất giao cho bà **Trần Thị Hoa D** và phần đất của ông **Lê H1** được hưởng tạm giao cho bà **Q1** quản lý. Tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 57,6m²(ký hiệu g); phần nền nhà cũ không còn giá trị sử dụng (ký hiệu t); nền chuồng heo không còn giá trị sử dụng (ký hiệu t1); khu vực trồng chuối (ký hiệu c); 01 cây mít. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án)

Tạm giao cho bà **Lê Thị Q1** quản lý phần đất của ông **Lê H1** có diện tích 119,65m² (Trong đó có 11,1 m² đất ở và 108,55 m² đất trồng cây hàng năm khác) ký hiệu là F3, có giới cận phía Tây giáp phần đất của bà **Lê Thị Q1**, phía Nam giáp phần đất giao cho bà **Trần Thị Hoa D**, phía Bắc giáp đường đất, phía Đông giáp thửa 279. Trên đất có 01 cây mai, 01 cây vú sữa, 04 bụi tre

G và chia cho bà **Trần Thị Hoa D** diện tích 315,25 m² (Trong đó có 109,1m² đất ở và 206,15m² đất trồng cây hàng năm)(ký hiệu F2). Phần đất của bà **Trần Thị Hoa D** có giới cận phía Nam giáp đường bê tông; phía Tây giáp phần đất giao cho bà **Lê Thị Q1**; phía Bắc giáp phần đất giao cho bà **Lê Thị Q1** quản lý của phần ông **Lê H1**; phần giáp với thửa đất 279 tờ bản đồ số 13. Tài sản trên đất gồm có 01 nền xi măng (ký hiệu B); một phần nền nhà cũ không còn giá trị sử dụng (ký hiệu t); 03 cây mai, 01 cây vú sữa, 02 cây hoa trang. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo là bộ phận không thể thiếu của bản án).

Bà **Trần Thị Hoa D** thối lại giá trị cho bà **Lê Thị H** tổng cộng 7.161.060 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 3.000.000 đồng, chi phí đo đạc 6.000.000 đồng, chi phí định giá 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc bị đơn bà **Lê Thị Q1** phải thối lại cho bà **Trần Thị Hoa D** 5.500.000 đồng.

Về án phí: Bà **Trần Thị Hoa D**, bà **Lê Thị Q1**, ông **Lê Văn L1**, Ông **Đào Văn Q2**, bà **Lê Thị V**, bà **Lê Thị H** là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Lê Thị H**, bà **Lê Thị Thu S1**, bà **Nguyễn Thị T5** vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Kha